

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

Số: 73 /NQ-HĐND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Quảng Ngãi, ngày 07 tháng 12 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

Về Kế hoạch đầu tư công năm 2023 thực hiện

**Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững
nguồn vốn ngân sách trung ương và ngân sách tỉnh**

CÔNG AN TỈNH QUẢNG NGÃI

Số:

Ngày:

Chuyên:

Số và ký hiệu HS:

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI
KHÓA XIII KỲ HỌP THỨ 12**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

*Căn cứ Nghị quyết số 24/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Quốc
hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo
bền vững giai đoạn 2021 - 2025;*

*Căn cứ Nghị quyết số 70/2022/QH15 ngày 11 tháng 11 năm 2022 của
Quốc hội về phân bổ ngân sách trung ương năm 2023;*

*Căn cứ Nghị quyết số 517/NQ-UBTVQH15 ngày 22 tháng 5 năm 2022
của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc phân bổ ngân sách Trung ương giai
đoạn 2021 - 2025 và năm 2022 cho các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương
thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia;*

*Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của
Chính phủ Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục
tiêu quốc gia;*

*Căn cứ Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của
Thủ tướng Chính phủ về Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn
ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện
Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025;*

*Căn cứ Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ
tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền
vững giai đoạn 2021 - 2025;*

*Căn cứ Quyết định số 353/QĐ-TTg ngày 15 tháng 3 năm 2022 của Thủ
tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn
vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo giai đoạn 2021 - 2025;*

Xét Tờ trình số 204/TTr-UBND ngày 22 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Nghị quyết về Kế hoạch đầu tư công năm 2023 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững nguồn vốn ngân sách trung ương và ngân sách tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất phân bổ Kế hoạch đầu tư công năm 2023 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững nguồn vốn ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh là 126,241 tỷ đồng, trong đó:

1. Vốn ngân sách Trung ương 113,679 tỷ đồng.
2. Vốn ngân sách tỉnh đối ứng 12,562 tỷ đồng.

(Chi tiết theo phụ lục và phụ biểu đính kèm)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi Khóa XIII Kỳ họp thứ 12 thông qua ngày 07 tháng 12 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- UBND Quốc hội, Chính phủ;
- Các Bộ: KH&ĐT, LĐ-TB&XH, Tài chính;
- TTTU, TTHĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, hội đoàn thể tỉnh;
- Cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Đài PTTH tỉnh, Báo Quảng Ngãi;
- VP ĐBQH và HĐND tỉnh: C-PVP, các Phòng, CV;
- Lưu: VT, VHXX. tkan.

CHỦ TỊCH



Bùi Thị Quỳnh Vân



Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2023
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG
NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG VÀ NGÂN SÁCH TỈNH

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 73/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2022 của HĐND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	Đầu mối giao Kế hoạch	Tổng hệ số	Kế hoạch vốn năm 2023	Trong đó		Ghi chú
					Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	
1	2	3	4	5=6+7	6	7	8
	TỔNG SỐ (A+B)			126.241	113.679	12.562	
A	Phân khai trong đợt này			120.930	109.061	11.869	
I	Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo			98.774	89.795	8.979	
I.1	Tiểu dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo			98.774	89.795	8.979	
I.1.1	Hoạt động 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo		1,65	88.874	80.795	8.079	
1	Huyện Sơn Tây	UBND huyện Sơn Tây	0,78	42.013	38.194	3.819	Ngân sách huyện đối ứng tối thiểu 5%
2	Huyện Trà Bồng	UBND huyện Trà Bồng	0,87	46.861	42.601	4.260	Ngân sách huyện đối ứng tối thiểu 5%
I.1.2	Hoạt động 2: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo			9.900	9.000	900	
1	Huyện Lý Sơn	UBND huyện Lý Sơn		9.900	9.000	900	Ngân sách huyện đối ứng tối thiểu 5%
II	Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm và nhà ở			22.156	19.266	2.890	Ngân sách tỉnh đối ứng 15%
II.1	Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	1,20	22.156	19.266	2.890	Chi tiết tại Phụ biểu kèm theo
B	Phân khai sau			5.311	4.618	693	Dự kiến phân bổ vốn cho Dự án Trung tâm dịch vụ việc làm tỉnh do Sở Lao động - Thương binh và Xã hội làm chủ đầu tư thuộc Tiểu dự án 3 của Dự án 4. Chi tiết tại Phụ biểu kèm theo.



KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2023 THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG

(Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm và nhà ở
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 73/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2022 của HĐND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Tên dự án	Đầu mối giao kế hoạch	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Dự kiến thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt dự án				Kế hoạch trung hạn 2021 - 2025			Kế hoạch vốn năm 2022 đã bố trí			Kế hoạch vốn năm 2023			Ghi chú
						Số ngày quyết định đầu tư	Tổng mức đầu tư	Trong đó:		Tổng cộng	Trong đó:		Tổng cộng	Trong đó:		Tổng cộng	Trong đó:		
								Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh		Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh		Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh		Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	
	Tổng số						112.387	97.728	14.659	112.387	97.728	14.659	29.995	26.083	3.912	27.467	23.884	3.583	
A	Phân khai trong đợt này						94.947	82.563	12.384	94.947	82.563	12.384	28.484	24.769	3.715	22.156	19.266	2.890	
	Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn						94.947	82.563	12.384	94.947	82.563	12.384	28.484	24.769	3.715	22.156	19.266	2.890	
1	Trường Cao đẳng Việt Nam - Hàn Quốc - Quảng Ngãi (giai đoạn 2)	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	Thành phố Quảng Ngãi	Cải tạo, nâng tầng Nhà hiệu bộ, nhà thực hành tổng diện tích sàn 7.516m2; sân bóng đá 3350m2, các hạng mục phụ trợ và thiết bị	2022-2025	Quyết định số 1473/QĐ-UBND ngày 27/10/2022	55.386	48.162	7.224	55.386	48.162	7.224	16.616	14.449	2.167	12.925	11.239	1.686	
2	Trường Cao đẳng y tế Đặng Thùy Trâm	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	Thành phố Quảng Ngãi	Xây dựng khối nhà lớp học lý thuyết, khối nhà thực hành và thư viện, Hội trường, nhà bảo vệ và phòng tuyến sinh với tổng diện tích xây dựng khoảng 1.731,8 m2; Sửa chữa ký túc xá hiện hữu, tường rào cổng ngõ và các hạng mục sân nền, thoát nước, sân bóng đá, Sân vườn công viên, bồn cây, vườn thuốc nam, hệ thống PCCC, hệ thống xử lý nước thải, cấp nước, cấp điện.	2022-2024	Quyết định số 1450/QĐ-UBND ngày 21/10/2022	39.561	34.401	5.160	39.561	34.401	5.160	11.868	10.320	1.548	9.231	8.027	1.204	
B	Phân khai sau						17.440	15.165	2.275	17.440	15.165	2.275	1.511	1.314	197	5.311	4.618	693	
	Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững						17.440	15.165	2.275	17.440	15.165	2.275	1.511	1.314	197	5.311	4.618	693	
1	Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh	Sở Lao động-Thương binh và Xã hội					17.440	15.165	2.275	17.440	15.165	2.275	1.511	1.314	197				Trình HĐND tỉnh phân bổ khi đủ điều kiện

